

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng viên chức năm học 2024 – 2025

Căn cứ Kế hoạch số 357/KH-CNTĐ-TCHC ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tuyển dụng viên chức năm học 2024 – 2025;

Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức thông báo tuyển dụng viên chức năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

I. VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG CẦN TUYỂN DỤNG:

Xem tại phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm thông báo.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG:

1. Đối tượng được đăng ký dự tuyển viên chức, tiêu chuẩn, trình độ và điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức và đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

1.1. Đối tượng được đăng ký dự tuyển viên chức

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

1.2. Trường hợp không được đăng ký dự tuyển viên chức

Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

1.3. Tiêu chuẩn, trình độ và điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

1.3.1 Người dự tuyển vào vị trí việc làm Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết,



phải đạt tiêu chuẩn về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều 4 và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 07/2023/TT-BLĐT BXH, cụ thể:

- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;
- Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

1.3.2 Người dự tuyển các vị trí việc làm Chuyên viên Pháp chế, Chuyên viên Hợp tác Quốc tế, phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

1.3.3 Người dự tuyển các vị trí việc làm Cán sự Hành chính – Văn phòng, phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 06 năm 2021 của Bộ Nội vụ, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp vị trí cần tuyển dụng.

1.3.4 Người dự tuyển các vị trí việc làm nhân viên, ngạch Nhân viên Thủ quỹ, phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 02/2021/TT-BNV, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

1.3.5 Người dự tuyển các vị trí việc làm Công nghệ thông tin hạng IV, phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT, cụ thể:

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

Lưu ý: Người dự tuyển xem nội dung cụ thể tại Phụ lục 3 kèm theo thông báo này về bảng quy đổi trình độ ngoại ngữ, tin học.

1.3. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng:

- a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

Lưu ý: Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG:

1. Hình thức tuyển dụng:

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển (quy định tại Mục 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP).

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: thực hành.

b) Nội dung thi và thời gian thi: kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể:

- Vị trí việc làm Giảng viên: được giao đề thực hành giảng trước 3-5 ngày, thực hiện 1 giờ giảng (45 phút đối với môn lý thuyết, 60 phút đối với môn thực hành)
- Các vị trí việc làm còn lại: thực hành nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm (90 phút).

c) Thang điểm: 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành (Vòng 2).

2. Xác định người trúng tuyển:

2.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có).

Trường hợp vẫn không xác định được thì Hiệu trưởng quyết định người trúng tuyển.



2.3. Trường hợp đăng ký 02 nguyện vọng nhưng không trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì được xét ở nguyện vọng 2 nếu vị trí việc làm đăng ký ở nguyện vọng 2 vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét hết nguyện vọng 1, bao gồm cả việc xét nguyện vọng của người có kết quả trúng tuyển thấp hơn liền kề theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định 115/2020/NĐ-CP.

Trường hợp có 02 người trở lên bằng điểm nhau ở nguyện vọng 2 thì người trúng tuyển được xác định theo mục 2.2.

Trường hợp vị trí việc làm vẫn còn chỉ tiêu tuyển dụng sau khi đã xét đủ 02 nguyện vọng thì căn cứ vào kết quả vòng 2, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Hiệu trưởng quyết định tuyển dụng đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển ở vị trí việc làm khác nhưng có cùng tiêu chuẩn, điều kiện với tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm còn chỉ tiêu tuyển dụng, cùng áp dụng hình thức thi và chung đề thi (vòng 2). Người được tuyển dụng trong trường hợp này phải đáp ứng quy định tại điểm a mục 2.1. Đối với các vị trí việc làm không có người đăng ký dự tuyển, Hiệu trưởng quyết định việc tuyển dụng theo kế hoạch này.

2.4. Người không được tuyển dụng trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

IV. HỒ SƠ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC:

Người dự tuyển chuẩn bị 02 loại hồ sơ, cụ thể:

1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển: Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/ND-CP).

2. Hồ sơ tuyển dụng sau khi trúng tuyển: 01 bộ hồ sơ cá nhân, gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Đối với trường hợp đã có quá trình công tác đúng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) trong các đơn vị trường công lập, dân lập, tư thục (nếu không liên tục thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng quy định thì nộp bổ sung: Bản sao công chứng Quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động của đơn vị cũ; Sổ Bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Lưu ý: Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

V. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM:

1. Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển (Vòng 1): Từ ngày 01/06/2024 đến hết ngày 01/07/2024.

2. Thời gian tổ chức Vòng 2: Sẽ có thông báo cụ thể.

3. Địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

Ứng viên có thể nộp Phiếu đăng ký dự tuyển qua 01 trong 03 hình thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức, Phòng Tổ chức – Hành chính (D01-04), 53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028.38966825;

- Gửi qua đường bưu chính;

- Gửi file PDF hoặc file scan có chữ ký qua địa chỉ email: phongtchc@tdc.edu.vn.

➤ **Lưu ý:** Không thực hiện thu lệ phí xét tuyển đối với hồ sơ dự tuyển.

Trên đây là thông báo tuyển dụng viên chức năm học 2024 – 2025 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức. Ứng viên thường xuyên theo dõi các thông báo trên Mục Thông tin tuyển dụng của nhà trường thông qua website: <http://tdc.edu.vn> hoặc qua số điện thoại: **028.38966825**. Căn cứ tình hình thực tế Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức có thể điều chỉnh bằng văn bản một số nội dung để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng và đúng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Ứng viên dự tuyển;
- Đăng Website, báo, niêm yết;
- Lưu: TCHC (S).





ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Đính kèm Thông báo số 35/TB-CNTĐ-TCHC ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
1	Khoa Cơ khí Ô tô	Giảng viên GDNN LT ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật Ô tô; - Cơ khí động lực.	X	Không	
2	Khoa Cơ khí chế tạo máy	Giảng viên GDNN LT ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật công nghiệp.	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung cấp
3	Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên GDNN LT ngành Thiết kế đồ họa	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Mỹ thuật tạo hình	X	Không	
4	Khoa Công nghệ tự động	Giảng viên GDNN LT ngành Cơ điện tử	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Cơ điện tử	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm giảng dạy ngành Cơ điện tử, Tự động hóa



STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
5	Khoa Điện Điện tử	Giảng viên GDNN LT ngành Kỹ thuật điện lạnh và Điều hòa không khí	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt	X	Không	+ Ưu tiên: - Tốt nghiệp Thạc sỹ hoặc đang học Cao học chuyên ngành - Có kinh nghiệm làm việc tại các công ty Lạnh công nghiệp
6	Khoa Quản trị kinh doanh	Giảng viên GDNN LT ngành Marketing	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Marketing	X	Không	+ Ưu tiên: - Tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Marketing - Có kinh nghiệm giảng dạy các môn chuyên ngành Marketing hoặc đang làm việc trong lĩnh vực Marketing tại doanh nghiệp

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Ghi chú
7	Khoa Khoa học cơ bản	Giảng viên GDNN LT bộ môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	+ Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: - Giáo dục Quốc phòng - An ninh; - Kỹ thuật quân sự; - Sư phạm Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh. + Hoặc tốt nghiệp văn bằng 2 chuyên ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh	X	Không	+ Ưu tiên: - Tốt nghiệp Thạc sỹ; - Có kinh nghiệm giảng dạy.
8	Khoa Du lịch	Giảng viên GDNN LT ngành Quản trị nhà hàng	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp từ Đại học trở lên chuyên ngành: - Quản trị nhà hàng; - Quản trị nhà hàng khách sạn; - Kỹ thuật chế biến món ăn; - Nữ công; - Kinh tế gia đình; - Công nghệ chế biến thực phẩm; - Du lịch – chuyên ngành Quản trị nhà hàng; - Du lịch – Chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn.	X	Không	+ Ưu tiên: - Tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị nhà hàng, Quản trị nhà hàng khách sạn, Kỹ thuật chế biến món ăn; - Có kinh nghiệm giảng dạy 2 năm trở lên.



STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
8	Khoa Du lịch	Giảng viên GDNN LT ngành Quản trị nhà hàng - Quản trị khách sạn	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp từ Đại học trở lên chuyên ngành: - Quản trị nhà hàng; - Quản trị nhà hàng khách sạn; - Du lịch – chuyên ngành Quản trị nhà hàng; - Du lịch – Chuyên ngành Quản trị nhà hàng khách sạn.	X	Không	+ Ưu tiên: - Tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị nhà hàng, Quản trị nhà hàng khách sạn; - Có kinh nghiệm giảng dạy 2 năm trở lên.
9	Phòng Quản lý đào tạo	Giảng viên GDNN LT ngành Tiếng Trung Quốc	2	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: - Trung văn; - Ngôn ngữ Trung Quốc.	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm giảng dạy
10	Khoa Tiếng Hàn	Giảng viên GDNN LT ngành Tiếng Hàn	2	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: - Đông phương học - ngành Hàn Quốc học; - Hàn Quốc học; - Tiếng Hàn Quốc; - Giáo dục tiếng Hàn.	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm giảng dạy từ 01 năm trở lên

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
11	Bộ môn Tiếng Nhật	Giảng viên GDNN LT ngành Tiếng Nhật	1	Giảng viên GDNN LT	V.09.02.03	Tốt nghiệp trình độ Đại học trở lên chuyên ngành: - Nhật Bản học; - Ngôn ngữ Nhật; - Đông phương học - ngành Nhật bản học;	X	Không	+ Ưu tiên: Có trình độ năng lực Tiếng Nhật đạt JLPT N2 trở lên (thời điểm cấp bằng tính từ năm 2021-2024)
TỔNG CỘNG			16						





ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

(Đính kèm Thông báo số 31/TB-CNTĐ-TCHC ngày 01 tháng 6 năm 2024 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Ghi chú
1	Khoa Công nghệ thông tin	Cán sự Hành chính – Văn phòng	1	Cán sự	01.004	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành Quản trị kinh doanh	X	Không	
2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên Hợp tác Quốc tế	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Tiếng Anh, Ngữ văn Anh hoặc Quan hệ quốc tế	X	Không	
3	Phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên Pháp chế	1	Chuyên viên	01.003	Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Luật	X	Không	
4	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Nhân viên Thủ quỹ	1	Nhân viên	01.005	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành Kế toán	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm



STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
5	Phòng Công tác Chính trị - HSSV	Cán sự Hành chính – Văn phòng	2	Cán sự	01.004	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành: + Đối với khối ngành kỹ thuật công nghệ: Ưu tiên các ngành Công nghệ thông tin, Điện – Điện tử; + Đối với khối ngành kinh tế dịch vụ: Ưu tiên ngành Quản trị kinh doanh; + Đối với khối ngành xã hội nhân văn: Ưu tiên các ngành Công tác xã hội, Xã hội học, Triết học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.	X	Không	+ Ưu tiên: - Độ tuổi: Dưới 27 tuổi; - Là Đảng viên hoặc cảm tình đảng; - Xếp loại tốt nghiệp loại Khá trở lên; - Có kinh nghiệm trong công tác Đoàn – Hội cấp trường trở lên, nhất là thực tiễn hoạt động Đoàn – Hội tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức; - Từng giữ vị trí cán bộ Đoàn – Hội chủ chốt cấp trường ít nhất 01 năm.
6	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Quản lý cơ sở dữ liệu	Công nghệ thông tin hạng IV	1	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành Công nghệ thông tin	X	Không	+ Ưu tiên: Có kinh nghiệm

STT	Đơn vị	Vị trí việc làm	Số lượng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ chuyên môn	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Ghi chú
7	Trung tâm Truyền thông và TVTS	Cán sự Hành chính – Văn phòng	1	Cán sự	01.004	Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành Thiết kế đồ họa	X	Không	
TỔNG CỘNG			8						





PHỤ LỤC 3

TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC VA DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Kèm theo Thông báo số: 358/TB-CNTĐ-TCHC ngày 01 tháng 6 năm 2024
của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

I. TIÊU CHUẨN VỀ TIN HỌC:

- Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)”.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/08/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”.

- Căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDTP ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/08/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học”. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

- Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và truyền thông công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định: “Công nhận chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014”.

II. TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ:

1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;



- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC; công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT- BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh								
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	TOEFL PBT/ITP	TOEFL CBT	TOEFL iBT	TOEIC 4 kỹ năng		
							Listening & Reading	Speaking	Writing
Bậc 1	Trình độ A	Trình độ A1	A1				120-220	50	30
Bậc 2	Trình độ B	Trình độ A2	A2	360-449		30	225-445	70-90	50-70
Bậc 3	Trình độ C	Trình độ B1	B1	450-499	133	31-45	450-595	100-130	90-120
Bậc 4		Trình độ B2	B2	500-589	173	46-93	600-845	140-160	130-150
Bậc 5		Trình độ C1	C1	590-649		94-109	850-940	170-180	160-180
Bậc 6		Trình độ C2	C2	650-677		110-120	945-990	190	190

Khung NLNN 6 bậc VN		Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt)				
	Cambridge English	IELTS	BEC	BULATS	PTE General
Bậc 1					246
Bậc 2	KET	4		20	381
Bậc 3	PET	4.5-5	Business Preliminary	40	450
Bậc 4	FCE	5.5-6.5	Business Vantage	60	600
Bậc 5	CAE	7-7.5	Business Higher	75	850
Bậc 6	CPE	8-9		90	910



2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác:

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	A1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-L1
Bậc 2	A2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2		Topik I-L2
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N4	Topik II-L3
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELTA B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N3	Topik II-L4

III. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÉP TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC:

- Thông báo số 144/TB-QLCL ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và các đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (*đính kèm thông báo*);

- Thông báo 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ năng lực Tiếng Việt theo Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (*đính kèm thông báo*).

